

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 8 - 2019
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Diệm
Bà Không Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị N, sinh năm 1978; dân tộc: Tày; nơi cư trú: Xóm 01, thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang;

Bị đơn: Anh Mông Văn C, sinh năm 1979, dân tộc: Ngạn; nơi cư trú: Xóm 02, thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Mai Thị N trình bày: Chị và anh Mông Văn C về chung sống với nhau từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, lý do không đăng ký kết hôn là do không hiểu biết pháp luật. Sau khi cưới anh chị làm nhà ra ở riêng tại xóm 02, thôn

L, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được 15 năm nhưng đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Mông Văn C thường xuyên rượu chè, cờ bạc, không quan tâm, chăm lo cho gia đình, dẫn đến hàng ngày thường xuyên cãi vã nhau làm tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cũng đã được gia đình và thôn, xã giải quyết nhiều lần nhưng tình cảm giữa hai vợ chồng không thể khắc phục được, mâu thuẫn ngày một trầm trọng hơn. Vì vậy, hai anh chị cũng đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ năm 2010 cho đến nay. Chị N nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên chị đề nghị Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mông Văn C.

Về phía bị đơn anh Mông Văn C trình bày: Năm 1995 anh và chị Mai Thị N về chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nhưng do không hiểu biết pháp luật nên anh chị đã không đến UBND xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang để đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh chị làm nhà sinh sống tại xóm 02, thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, nhưng từ năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, mỗi người một quan điểm sống khác nhau nên không có sự hòa hợp và chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình, vì bất đồng quan điểm nên trong cuộc sống hằng ngày anh chị hay cãi chửi nhau làm tình cảm rạn nứt. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hai bên gia đình tiến hành hoà giải nhưng vẫn không thể khắc phục được nên chị Nga đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn M, xã V sinh sống, anh chị đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ năm 2010 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Mai Thị N có yêu cầu xin được ly hôn thì anh cũng hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Chị Mai Thị N và anh Mông Văn C đều khai nhận quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Mông Văn H, sinh ngày 02/03/1996 và cháu Mông Hương T, sinh ngày 27/8/2002. Quá trình hòa giải về phần con chung ngày 13/8/2019 tại Trụ sở UBND xã V, huyện B các bên đương sự đã thống nhất: Anh Mông Văn C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Mông Hương T, sinh ngày 27/8/2002 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Mai Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Mông Văn H, sinh ngày 02/03/1996 đã trưởng thành anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phần tài sản chung: Cả hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết.

Do chị Mai Thị N và anh Mông Văn C lấy nhau không đăng ký kết hôn, nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã tiến hành xác minh và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt các đương sự vẫn giữ nguyên nội dung của các phần đã yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng đã quy định; những người tham gia tố tụng dân sự đều chấp hành và tuân theo đúng pháp luật tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14, Điều 15; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thị N và anh Mông Văn C; về việc nuôi con đề nghị xử cho anh Mông Văn C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Mông Hương T, sinh ngày 27/8/2002 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Mai Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Về thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Mai Thị N được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Mai Thị N và anh Mông Văn C đều vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trước khi mở phiên tòa anh chị đều đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu phiên tòa của Tòa án hợp lệ, đồng thời anh chị đã có đơn xin xét xử vắng mặt có xác nhận của chính quyền địa phương là UBND xã Vô Điểm, căn cứ vào khoản 1 điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị N và anh Mông Văn C về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại thời điểm chị Mai Thị N và anh Mông Văn C về chung sống với nhau, khi đó chị Nga mới 17 tuổi và anh Chiến 16 tuổi nên chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, sau khi về chung sống, cả hai anh chị đã có con chung và đủ điều kiện để kết hôn, nhưng lại

không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, chính vì vậy không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị N và anh Mông Văn C là không hợp pháp nên không được pháp luật công nhận. Mặt khác, tại đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, hai anh chị đều thừa nhận quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn và đã không còn chung sống cùng nhau từ năm 2010, hiện nay anh chị mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Ngoài ra, trong đơn xin xét xử vắng mặt chị Mai Thị N và anh Mông Văn C đều giữ nguyên quan điểm đã trình bày trước đây và cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 53 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thị N và anh Mông Văn C.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Mông Văn H, sinh ngày 02/03/1996 và Mông Hương T, sinh ngày 27/8/2002. Hội đồng xét xử thấy rằng tại buổi hòa giải về phần con chung các bên tự thỏa thuận anh Mông Văn C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Mông Hương T, sinh ngày 27/8/2002 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Mai Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Mông Văn H, sinh ngày 02/03/1996 đã trưởng thành anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nuôi con chung là hoàn toàn hợp tình, hợp lý, phù hợp với nguyện vọng của của cháu Mông Hương T tại biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2019. Nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 15 và các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, chị Mai Thị N và anh Mông Văn C không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Mai Thị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14, Điều 15; Điều 57; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thị N và anh Mông Văn C.

2. Về nuôi con chung:

Giao cho anh Mông Văn C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mông Hương T, sinh ngày 27/8/2002 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Mai Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mai Thị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 0000760 ngày 06 tháng 5 năm 2019.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Thị Tư